

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 162/HĐBT NGÀY 18-10-1988
VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

Công tác kế hoạch hoá dân số có tầm quan trọng rất lớn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

Để giảm nhanh tốc độ tăng dân số nước ta, trước mắt đạt tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vào năm 1990 là 1,7% như Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết của Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 2 đã ghi, Hội đồng Bộ trưởng quyết định một số vấn đề cụ thể sau đây về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình:

Điều 1. - Thực hiện Công tác kế hoạch hoá dân số là trách nhiệm của toàn xã hội, của nam nữ công dân, trước tiên là trách nhiệm về chỉ đạo thường xuyên của các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp.

Điều 2. - Số con của mỗi cặp vợ chồng

a) Những đối tượng và những người ở vùng dân cư sau đây được sinh tối đa là 2 con:

- Cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan của đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang.
- Gia đình ở thành phố, thị xã, khu kinh tế tập trung.
- Gia đình ở vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng các tỉnh ven biển miền trung, vùng trung du.

- b) Gia đình các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam mỗi cặp vợ chồng cũng chỉ được sinh tối đa ba con
- c) Những cặp vợ chồng tái hôn nếu cả vợ chồng đã có con riêng hay một người đã có con riêng nay muốn có con chung thì cũng chỉ được sinh 1 con.
- d) Các trường hợp sinh lần thứ nhất mà sinh đôi, sinh 3 thì không được sinh nữa, các trường hợp đã có 1 con, sinh lần thứ 2 sinh đôi, sinh 3 đều không coi là quá quy định.
- e) Người đã có 2 con nhưng 2 con đều bị dị tật thì được đẻ con thứ 3.
- g) Gia đình cán bộ, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức nói ở đây là cả vợ chồng là cán bộ, công nhân, viên chức hoặc chỉ một người là cán bộ, công nhân, viên chức hay tham gia lực lượng vũ trang. Gia đình ở thành phố, thị xã, khu kinh tế tập trung là căn cứ theo chỗ ở của người mẹ.

Điều 3. - Tuổi sinh đẻ và khoảng cách sinh đẻ:

- a) Đối với các gia đình ở thành phố, thị xã khu kinh tế tập trung, các cặp vợ chồng là cán bộ, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức thì tuổi sinh đẻ của nữ là 22 tuổi trở lên, nam là 24 tuổi trở lên; ở các vùng khác nữ là 19 tuổi trở lên, nam là 21 tuổi trở lên.
- b) Nếu sinh con thứ 2 thì phải sau con thứ nhất từ 3 đến 5 năm. Trường hợp người phụ nữ sinh con muộn sau 30 tuổi trở đi thì khoảng cách có thể từ 2 đến 3 năm.

Điều 4. - Thực hiện đăng ký và quản lý sinh đẻ:

- a) Các cặp vợ chồng đã có con (trừ những cặp vợ chồng đã thôi đẻ) và các cặp vợ chồng mới kết hôn đều phải đăng ký với chính quyền địa phương và cam kết thực hiện đúng kế hoạch hoá gia đình theo quy định ở điều 2 và 3 trên đây. Cán bộ, công nhân, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang đăng ký tại cơ quan, đơn vị, nhân dân đăng ký tại Uỷ ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.
- b) Các cơ quan, đơn vị, các Uỷ ban Nhân dân xã, phường, thị trấn phải thường xuyên nắm cụ thể tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai, tình hình sinh đẻ của từng cặp vợ chồng trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.
- c) Các cơ quan, đơn vị đóng ở địa phương phải báo cáo tình hình kế hoạch hoá gia đình của cơ quan, đơn vị mình, chịu sự theo dõi, kiểm tra của Uỷ ban Nhân dân ở cơ sở và Ban chỉ đạo dân số và kế hoạch hoá gia đình của quận, huyện, thị xã, địa phương đó.